

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG (Nghịệp vụ NHTM – Commercial Banking)

Giảng Viên: Lê Trung Hiếu

Yêu cầu và thời lượng

- **YÊU CẦU**

Để có thể học tập và lĩnh hội tốt môn học này, học viên cần phải có các kiến thức về Kinh tế học, Tài chính tiền tệ...

- **THỜI LƯỢNG**

Môn học được thiết kế trong thời lượng 45 tiết.

Nội dung môn học

- **Chương 1:** Tổng quan về Ngân hàng thương mại.
- **Chương 2:** Nghiệp vụ nguồn vốn trong ngân hàng thương mại.
- **Chương 3:** Những vấn đề chung về tín dụng ngân hàng.
- **Chương 4:** Tín dụng ngắn hạn tài trợ kinh doanh cho doanh nghiệp.
- **Chương 4:** Nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán.
- **Chương 5:** Tín dụng trung dài hạn để tài trợ dự án đầu tư.

Tài liệu tham khảo

- PGS.TS Nguyễn Đăng Dờn, *Nghệp vụ ngân hàng thương mại*, Nhà xuất bản thống kê, Năm 2007.
- Nguyễn Minh Kiều. *Nghệp vụ Ngân hàng hiện đại*. Nhà Xuất bản Thống kê. 2007
- P. Rose. *Quản trị ngân hàng thương mại*. Bản dịch Việt ngữ của Đại học Kinh tế Quốc dân (2001).
- Luật các tổ chức tín dụng, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, năm 2004.
- Giáo trình Luật ngân hàng Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Năm 2005.

Hình thức đánh giá

- Quá trình: 40%
- Bài tập nhóm (tiểu luận): 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- Hiện diện
- Kiểm tra hết môn: 60%

Thông tin giảng viên

- Họ và tên: Lê Trung Hiếu
- Bộ phận công tác: Bộ môn kinh tế - TVU
- Chức vụ: Trưởng bộ môn
- Điện thoại: 0939.999.983
- Mail:
 1. letrunghieutvu@yahoo.com
 2. letrunghieutvu@gmail.com
 3. letrunghieutvu@zing.vn

Chương 1: **TỔNG QUAN VỀ NHTM**

- I. Khái niệm và bản chất của NHTM
- II. Chức năng và phân loại của NHTM
- III. Tổ chức và bộ máy của ngân NHTM
- IV. Thu nhập – chi phí và lợi nhuận của NHTM

I. Bản chất và chức năng của NHTM

1. Khái niệm về NHTM:

Định nghĩa ngân hàng theo Luật CH Pháp: ngân hàng là những doanh nghiệp (entreprises) hoặc cơ sở làm nghề thường xuyên nhận của công chúng, dưới hình thức ký thác hoặc hình thức khác, những khoản tiền mà nó dùng vì lợi ích của mình, vào nghiệp vụ chiết khấu, nghiệp vụ tín dụng hoặc nghiệp vụ tài chính.

I. Bản chất và chức năng của NHTM (tt)

- Là tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất, đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm và dịch vụ thanh toán, và thực hiện nhiều chức năng tài chính nhất so với bất kỳ tổ chức kinh doanh nào trong nền kinh tế.

I. Bản chất và chức năng của NHTM (tt)

- Định nghĩa ngân hàng theo Luật các Tổ chức tín dụng (Việt Nam):
 - Tổ chức tín dụng: doanh nghiệp được thành lập để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.
 - Ngân hàng: là tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan.

I. Bản chất và chức năng của NHTM (tt)

Theo luật Ngân hàng Việt Nam 2005:

“Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan”

I. Bản chất và chức năng của NHTM (tt)

- **Tổ chức tín dụng** là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng. Nội dung kinh doanh chủ yếu của tổ chức tín dụng là nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán.
 - Tổ chức tín dụng là ngân hàng.
 - Tổ chức tín dụng phi ngân hàng (không được nhận tiền gửi không kỳ hạn, không làm dịch vụ thanh toán).

- Các loại giao dịch được coi là giao dịch ngân hàng bao gồm: Huy động vốn dưới hình thức tiền gửi, cho vay, mua bán các giấy tờ có giá ngắn hạn, cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh...

Như vậy, ngân hàng là gì?

- Ngân hàng là một loại hình doanh nghiệp
- Hoạt động của ngân hàng thương mại là hoạt động kinh doanh
- Ngân hàng thương mại là một trung gian tín dụng
- Ngân hàng thương mại là một loại hình doanh nghiệp đặc biệt

2. Quá trình ra đời và phát triển của NHTM:

- Giai đoạn đầu (3500 năm trước Công nguyên): -> Giai đoạn sơ khai hình thành nghề ngân hàng. Các cuộc chiến diễn ra triền miên giữa các bộ tộc, tình trạng cướp bóc, tranh giành ảnh hưởng trong xã hội ngày càng phổ biến; tiền đúc bằng kim loại (đồng, bạc, vàng) đã xuất hiện trong lưu thông tuy còn rất đơn giản.

- ***Điều trên làm nảy sinh 2 yêu cầu:***

- Làm sao bảo vệ an toàn tiền bạc của mình trong điều kiện có cướp bóc và chiến tranh xảy ra phổ biến.
- Làm sao để chuyển đổi những đồng tiền bị hao mòn thành những đồng tiền có đầy đủ trọng lượng để lưu thông 1 cách bình thường.

- Đáp ứng 2 yêu cầu này giai đoạn này chỉ có các chùa chiền, các nhà thờ và những người quyền quý trong xã hội, những thợ kim hoàn... Nghề ngân hàng ra đời với nghiệp vụ đơn giản: nhận bảo quản tiền và được trả thù lao bảo quản; đổi tiền đúc và ăn hoa hồng đổi tiền. Nghề ngân hàng sơ khai xuất hiện từ Hy Lạp rồi lan ra các nước khác.

- Đến thế kỷ thứ VIII trước công nguyên, hoạt động của những người bảo quản và đổi tiền đã tiến triển thêm một bước mới. Họ không những thu nhận bảo quản, đổi tiền mà còn sử dụng số tiền bảo quản đó để cho vay.
- Đến thế kỷ thứ III trước công nguyên, La Mã đã chinh phục nhiều nước về chính trị và quân sự và trở thành 1 đế quốc giàu có bậc nhất và nghề ngân hàng được mở rộng tại đây.

- Chính quyền La Mã cho phép những người hành nghề ngân hàng mở tiệm kinh doanh trên các hè phố với phương tiện chủ yếu là những cái bàn dài (Bancus) được chia nhiều ngăn để cất giữ bảo quản tiền và các tài sản khác...

- **Giai đoạn 2: từ thế kỷ thứ V đến X sau công nguyên.**

- Giai đoạn này các chủ ngân hàng đã biết cách sử dụng số hiệu tài khoản để ghi chép theo dõi tiền gửi của các thân chủ (theo dõi số tiền cho vay, thu nợ, lãi...)
- Nghiệp vụ thanh toán bù trừ cũng được các NH áp dụng trong các giao dịch thanh toán giữa các đối tượng.
- Từ thế kỷ XII – XVI sau công nguyên, các nghiệp vụ ngân hàng phát triển đa dạng và phong phú: nghiệp vụ chuyển tiền, trả tiền trước cho các thương phiếu chưa đến hạn (chiết khấu)...

● **Giai đoạn 3: Từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX:**

- Hệ thống NH phát triển nhanh chóng, các NH chạy đua cạnh tranh hình thành 2 hệ thống NH:
 - + Hệ thống NH phát hành -> NH trung Ương.
 - + Hệ thống NHTM

- Tóm lại qua sự phân tích lịch sử phát triển của hệ thống ngân hàng trung gian, có thể nói NHTM ra đời bằng 2 con đường:
 - Thứ nhất, những người chuyên làm nghề kinh doanh tiền đúc dần dần tích lũy được số vốn, chuyển sang hoạt động cho vay nặng lãi, rồi cùng với sự phát triển của xã hội, với sức ép từ nhà nước và Giáo hội, họ từng bước hạ thấp lãi suất cho vay, mở rộng các nghiệp vụ để hình thành các NH cổ từ TK XIII trở về trước.

- Thứ hai, các nhà kinh doanh trong lĩnh vực công thương nghiệp, dịch vụ, đứng trước gánh nặng lãi suất của NH cho vay nặng lãi, đã làm cho họ phải hợp lực lại với nhau, hùn vốn, góp vốn để lập ra các Hội tín dụng và sau đó phát triển thành các NHTM để hoạt động kinh doanh ngân hàng với lãi suất thích hợp và vừa phải. Những ngân hàng loại này ra đời vào khoảng TK XVI trở về sau.

- Ở VN, thời kỳ phong kiến chưa có các tổ chức tín dụng, tuy có tồn tại vài tổ chức cho vay nặng lãi, các nhà cầm đồ nhưng nhìn chung chưa hình thành hệ thống tín dụng như các nước.
- Đến năm 1875 mới thành lập NH liên ban Đông Dương thuộc Pháp (Ngân hàng Đông Dương). Đây là NH đầu tiên thành lập ở VN – để thực hiện việc phát hành tiền, đồng thời thực hiện các hoạt động của 1 NH thương mại.
- Năm 1954, NH Đông Dương chấm dứt sự tồn tại và hoạt động trên lãnh thổ VN.

- Sau CM tháng 8, Chính phủ VN dân chủ cộng hòa ra đời, NN Việt Nam xây dựng hệ thống Tài chính – ngân hàng để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội.
- 6/5/1951 thành lập NH quốc gia VN (national bank of VN) theo sắc lệnh 15/LCT của Chủ tịch Nước VN dân chủ cộng hòa.
- 1961 đổi tên thành NHNNVN (State Bank of VN – SBV) cho đến nay.

- Từ ngày 6/5/1951 đến 26/3/1988, NNHNVN hoạt động theo mô hình NH một cấp vừa thực hiện các chức năng nhiệm vụ của NHTW (Central Bank) vừa thực hiện các hoạt động của NHTM (Commercial Bank)
- Từ 4/1998 đến nay, hệ thống mô hình NH 1 cấp chuyển đổi thành hệ thống NH 2 cấp, trong đó NH cấp 1 là NHNN Việt Nam chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ vốn có của NHTW, còn NH cấp 2 bao gồm các NHTM, các tổ chức tín dụng khác, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng.

Số lượng ngân hàng 1991 - 2008

	1991	1993	1995	1997	1999	2001	2005	2006	2007	2008
Ngân hàng TMQD	4	4	4	5	5	5	5	5	5	5
Ngân hàng TMCP	4	41	48	51	48	39	37	37	37	39
Chi nhánh NHNN	0	8	18	24	26	26	29	31	33	40
Ngân hàng LD	1	3	4	4	4	4	4	5	5	5
Tổng số ngân hàng	9	56	74	84	83	74	75	78	80	89

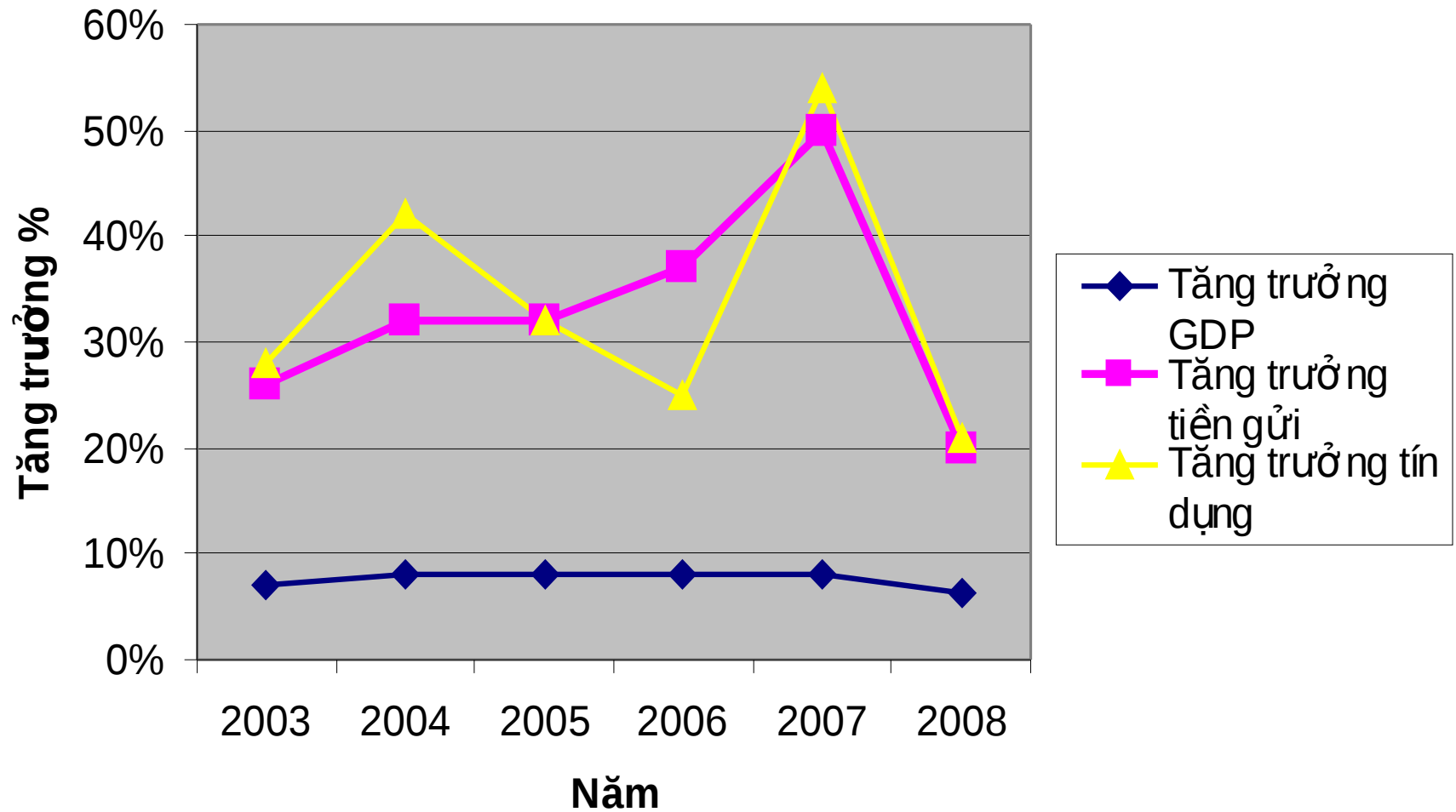
Thị phần cho vay 2000 - 2008

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Ngân hàng TMQD	77%	79%	80%	79%	77%	73%	65%	55%	52%
Ngân hàng TMCP	9%	9%	10%	11%	12%	15%	21%	29%	32%
Chi nhánh NHNN+ LD	12%	10%	9%	9%	10%	10%	9%	9%	10%
Tổ chức TC khác	2%	2%	2%	2%	2%	2%	5%	7%	6%

Thị phần huy động vốn 2000 - 2008

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Ngân hàng TMQD	77%	80%	79%	78%	75%	75%	69%	59%	60%
Ngân hàng TMCP	11%	9%	10%	11%	13%	16%	22%	30%	29%
Chi nhánh NHNN+ LD	10%	10%	9%	9%	10%	8%	8%	9%	9%
Tổ chức TC khác	1%	1%	1%	1%	2%	2%	1%	2%	2%

Tăng trưởng tín dụng và tiền gửi 2002-2008



3. Bản chất của NHTM:

NHTM là 1 loại hình DN đặc biệt trong nền kinh tế - hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng, bản chất của NHTM thể hiện qua các khía cạnh sau:

- NHTM là 1 loại hình DN và là 1 đơn vị kinh tế, có cơ cấu, tổ chức bộ máy như 1 DN...

- Hoạt động kinh doanh của NHTM là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ NH.
- Hoạt động của NHTM là hoạt động kinh doanh. Để hoạt động kinh doanh, các NHTM phải có vốn (vốn được cấp nếu là NH công, được cổ đông góp vốn nếu là NH cổ phần), phải tự chủ về tài chính...trên cơ sở chấp hành pháp luật của Nhà nước.

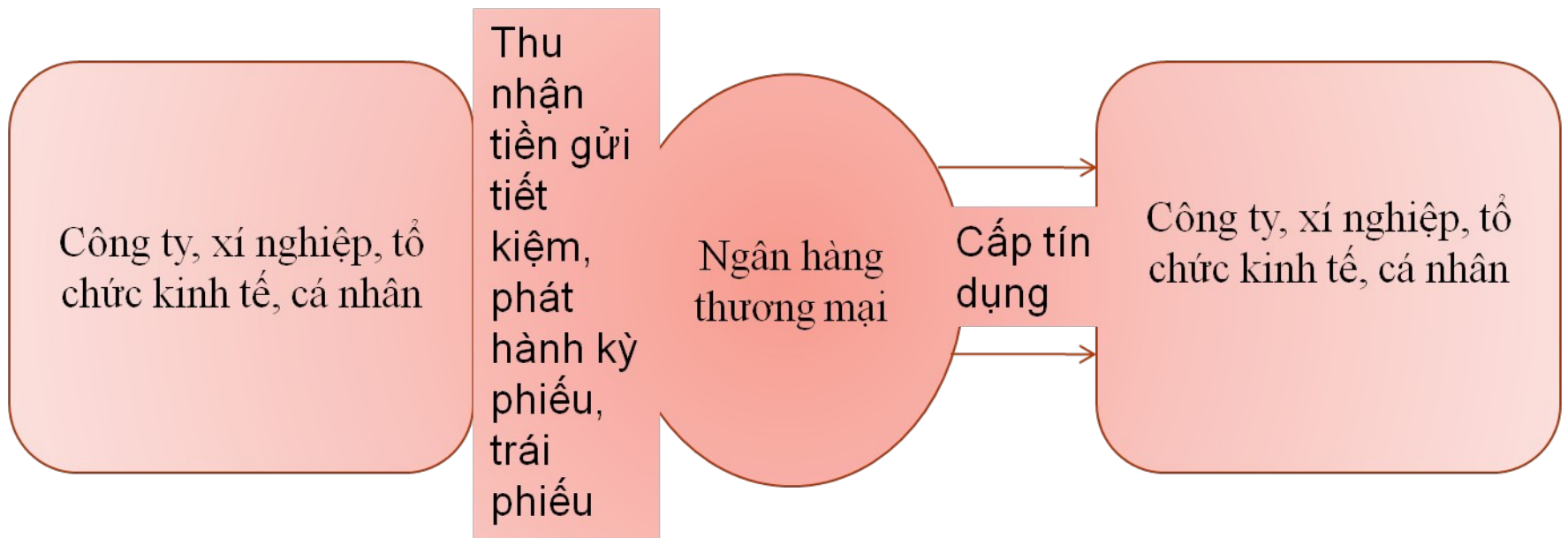
II. Chức năng và phân loại NHTM

- Chức năng của NHTM:

- **Chức năng trung gian tín dụng:** Bao gồm trung gian tín dụng và trung gian thanh toán giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Đây là chức năng quan trọng của NHTM, nó không những cho thấy bản chất của NHTM mà còn cho thấy nhiệm vụ chính yếu của NHTM.

Trong chức năng này NHTM đóng vai trò là người trung gian tín dụng đứng ra tập trung, huy động các nguồn vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế biến nó thành nguồn vốn tín dụng để cho vay.



- Thực hiện chức năng trung gian tín dụng, các NHTM thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau đây:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn của các đơn vị kinh tế các tổ chức và cá nhân bằng đồng tiền trong nước và ngoại tệ.
 - Nhận tiền gửi tiết kiệm của các tổ chức và cá nhân.
 - Phát hành kỳ phiếu và trái phiếu NH để huy động vốn trong xã hội.

- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn đối với các đơn vị, cá nhân.
- Chiết khấu thương phiếu và các chứng từ có giá đối với các đơn vị cá nhân.
- Cho vay tiêu dùng, cho vay trả góp và các loại hình tín dụng khác đối với tổ chức và cá nhân.

- **Chức năng trung gian tín dụng của NHTM có vai trò và tác dụng rất to lớn đối với nền kinh tế:**

- Nhờ thực hiện chức năng này mà hệ thống ngân hàng thương mại huy động và tập trung hầu hết các nguồn vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi của xã hội, biến tiền nhàn rỗi từ chỗ là phương tiện cất trữ thành nguồn vốn lớn của nền kinh tế.
- Nhờ thực hiện chức năng này mà hệ thống NHTM cung ứng 1 khối lượng lớn vốn tín dụng cho nền kinh tế.

- **Chức năng tạo tiền:** Tức là chức năng sáng tạo ra bút tệ góp phần gia tăng khối lượng tiền tệ cho nền kinh tế.

Khi kết hợp chức năng trung gian tín dụng và chức năng trung gian thanh toán tạo cho ngân hàng thương mại khả năng tạo ra tiền ghi sổ thể hiện trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng tại ngân hàng thương mại. Từ một lượng tiền gửi ban đầu, qua nghiệp vụ cho vay dưới hình thức chuyển khoản, đã làm cho số dư trên tài khoản tiền gửi trong hệ thống ngân hàng thương mại tăng lên.

Bảng tóm tắt quá trình tạo tiền của các ngân hàng trung gian

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc: 10%

(Đơn vị tính: đồng)

Tên ngân hàng	Số tiền gửi nhận được	Số tiền dự trữ bắt buộc	Số tiền có thể cho vay ra tối đa
A	1.000	100	900
B	900	90	810
C	810	81	729
...
Tổng cộng	10.000	1.000	9.000

- **Chức năng trung gian thanh toán:**

- Ngân hàng thực hiện chức năng trung gian thanh toán làm cho nó trở thành thủ quỹ cho khách hàng. khi đó NHTM thực hiện theo yêu cầu của khách hàng như trích một khoản tiền trên tài khoản tiền tiền gửi để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc nhập vào một khoản tiền gửi của khách hàng từ bán hàng hóa hoặc các khoản thu khác.



- **Chức năng sản xuất (Cung ứng dịch vụ ngân hàng):** Bao gồm việc huy động và sử dụng các nguồn lực để tạo ra sản phẩm và dịch vụ ngân hàng cung cấp cho nền kinh tế.
- Dịch vụ ngân hàng có 2 đặc điểm:
 - + Thứ nhất, đó là các dịch vụ mà chỉ có NH với những ưu thế riêng của nó mới có thể thực hiện được 1 cách trọn vẹn và đầy đủ.

+ Thứ hai, đó là các dịch vụ gắn liền với hoạt động NH không những cho phép NHTM thực hiện yêu cầu của khách hàng mà còn hỗ trợ tích cực để NHTM thực hiện tốt chức năng của NH.

Dịch vụ NH mà NHTM cung cấp cho khách hàng không chỉ thuần túy để hưởng hoa hồng và dịch vụ phí mà còn có tác dụng hỗ trợ các mặt hoạt động chính của NHTM mà trước hết là hoạt động tín dụng.

- Một số dịch vụ điển hình:
 - Dịch vụ ngân quỹ và chuyển tiền nhanh quốc nội;
 - Dịch vụ kiều hối và chuyển tiền nhanh quốc tế;
 - Dịch vụ ủy thác (bảo quản, thu hộ, chi hộ...)
 - Dịch vụ tư vấn đầu tư, cung cấp thông tin;
 - Dịch vụ ngân hàng điện tử.

- **Phân loại của NHTM:**

- Dựa vào hình thức sở hữu:

- + NHTM quốc doanh: NHTM được thành lập bằng 100% vốn NSNN.

- + NHTM cổ phần: Là NHTM được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần.

- + NHTM liên doanh: Là ngân hàng thành lập bằng vốn liên doanh giữa 1 bên NHVN và 1 NH nước ngoài có trụ sở tại VN.

- + Chi nhánh NHTM nước ngoài: là NH được lập theo luật nước ngoài, được phép mở chi nhánh tại VN, hoạt động theo pháp luật VN.

- **Dựa vào chiến lược kinh doanh:**

- + Ngân hàng bán buôn: danh mục sản phẩm không nhiều nhưng giá trị từng sản phẩm rất lớn. Khách hàng thường là các doanh nghiệp lớn, các công ty đa quốc gia.
- + Ngân hàng bán lẻ: danh mục sản phẩm rất nhiều nhưng giá trị từng sản phẩm không lớn. Khách hàng thường là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ gia đình.
- + Ngân hàng vừa bán buôn vừa bán lẻ.

- Dựa vào quan hệ tổ chức:
 - + Ngân hàng hội sở;
 - + Ngân hàng chi nhánh cấp 1 và cấp 2;
 - + Phòng giao dịch.

● **NHTM quốc doanh ở VN hiện nay:**

- NH Công thương Việt Nam; (Industrial and Commercial Bank of Viet Nam – ICBV)
- NH nông nghiệp và phát triển nông thôn VN; (Bank for Agriculture and rural Development of VN – BARDV)
- NH đầu tư và phát triển VN; (Bank for Investment and development of VN – BIDV)
- NH phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long; (Mekong Delta Housing Development Bank – MHB)
- NH ngoại thương Việt Nam (Bank for Foreign Trade of Vietnam – BFTV)

III. Cơ cấu tổ chức NHTM

- Cơ cấu tổ chức của NHTMCP thông thường:

- Hội sở với đầy đủ các phòng: phòng giao dịch, Phòng tín dụng, Phòng thanh toán quốc tế, Phòng kinh doanh ngoại tệ, Phòng ngân quỹ, Phòng hành chính – tổ chức, Phòng quan hệ quốc tế, Phòng công nghệ thông tin.
- Chi nhánh, bao gồm chi nhánh cấp 1 và cấp 2 ở các địa phương.

- Phòng giao dịch hoặc điểm giao dịch trực thuộc chi nhánh, thường mở ở những nơi đông dân cư và có nhu cầu giao dịch với ngân hàng như siêu thị, trường học, khu công nghiệp...

- **Hội sở chính:**

Mỗi NH đều có hội sở chính thường đặt tại các trung tâm kinh tế - tài chính của cả nước hoặc khu vực, địa phương.

Hội sở chính là nơi đặt trụ sở lãnh đạo và điều hành thống nhất của toàn hệ thống. Bộ máy lãnh đạo và điều hành cao nhất của 1 NHTM đặt tại hội sở chính.

- **Sở giao dịch và các chi nhánh:**

SGD và các chi nhánh là những đơn vị trực thuộc hội sở - là nơi thực hiện giao dịch với khách hàng, là nơi thực hiện các nghiệp vụ của NHTM. Tất cả các mặt hoạt động của NHTM đều được thực hiện tại các sở giao dịch và các chi nhánh của 1 ngân hàng.

- **Phòng giao dịch và các quỹ tiết kiệm:**

Là các cơ sở thực thuộc sở giao dịch hoặc chi nhánh, đây là những cơ sở giao dịch với khách hàng về huy động vốn và cho vay theo sự phân cấp của SGD và chi nhánh. Phòng giao dịch và quỹ tiết kiệm là những đơn vị hạch toán phụ thuộc hoàn toàn.

- **Các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập:**

NHTM được phép lập các công ty con để hoạt động độc lập trong 1 ngành nghề nhất định phù hợp với pháp luật (Cty cho thuê tài chính, Cty chứng khoán, Cty quản lý nợ và khai thác tài sản, Cty kinh doanh vàng bạc đá quý, Cty bảo hiểm, Công ty du lịch địa ốc, Cty tư vấn tài chính tiền tệ..)

Các đặc điểm của một ngân hàng nhỏ

- Hoạt động tập trung vào cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa và dân cư với những số tiền ký thác tương đối nhỏ.
- Quan hệ chặt chẽ giữa lãnh đạo ngân hàng, người đứng đầu các bộ phận và nhân viên.
- Ngân hàng thường chịu sự ảnh hưởng bởi những thay đổi kinh tế-xã hội của địa phương.
- Cơ hội việc làm và mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng

Mô hình tổ chức của một ngân hàng nhỏ



Các đặc điểm của một ngân hàng lớn

- Thuộc quyền kiểm soát của một công ty mẹ
- Năng lực điều hành của người lãnh đạo cao nhất
- Do qui mô, địa bàn hoạt động rộng lớn, các rủi ro nhiều khi chỉ bộc lộ sau một thời gian
- Các lợi thế so với ngân hàng nhỏ:
 - Đa dạng hóa về sản phẩm và địa lý;
 - Ít phụ thuộc vào 1 ngành, khu vực riêng lẻ;
 - Lợi thế huy động vốn với chi phí thấp;
 - Lợi thế khi tiếp cận một thị trường mới

Mô hình tổ chức của một ngân hàng lớn

Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc

Khối quản trị vốn

Thị trường tiền tệ và
quản lý danh
mục đầu tư

Thị trường vốn

Quản lý TS-N

Pháp chế – Tuân thủ

Khối sử dụng vốn

Tài chính thương mại

Nhóm khách hàng
doanh nghiệp lớn,
MNC

.....

Ngân hàng
quốc tế

Khối tài chính cá nhân

Dịch vụ tài chính cá nhân

Dịch vụ khách hàng

.....

Các chi nhánh

IV. Thu nhập – chi phí và lợi nhuận của NHTM

1. Thu nhập của NH:

Hoạt động của NHTM trong nền kinh tế thị trường là hoạt động kinh doanh với mục đích là lợi nhuận. Muốn thu được lợi nhuận cao thì vấn đề then chốt là quản lý tốt các khoản mục tài sản có, nhất là các khoản mục cho vay và đầu tư.

● **Thu nhập của NH bao gồm 4 khoản mục:**

- Thu về hoạt động tín dụng (thu lãi cho vay, thu lãi chiết khấu, phí cho thuê tài chính, phí bảo lãnh...)
- Thu về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ (thu lãi tiền gửi, dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ...)
- Thu từ các hoạt động khác như: (Thu lãi góp vốn, mua cổ phần; Thu về mua bán chứng khoán; Thu về kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc đá quý; thu về nghiệp vụ ủy thác, đại lý; Thu từ dịch vụ tư vấn; Thu kinh doanh bảo hiểm...)
- Các khoản thu khác bất thường.

2. Chi phí của NH:

- Chi về hoạt động huy động vốn: Trả lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm, tiền vay, kỳ phiếu, trái phiếu...
- Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: Chi về dịch vụ thanh toán, ngân quỹ (vận chuyển, kiểm đếm, bảo vệ, đóng gói), cước phí bưu điện, mạng viễn thông, chi về các dịch vụ khác.
- Chi về các hoạt động khác: chi về mua bán chứng khoán, kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc đá quý.
- Chi nộp thuế, các khoản phí, lệ phí.
- Chi cho nhân viên.

3. Lợi nhuận của NHTM:

Lợi nhuận trước thuế = Tổng thu nhập – Tổng chi phí

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Thuế

Muốn tăng lợi nhuận cần phải:

- Tăng thu nhập -> Mở rộng tín dụng -> Tăng đầu tư và đa dạng các dịch vụ NH.
- Giảm chi phí hoạt động.

● **Đánh giá chất lượng hoạt động kinh doanh NHTM, người ta sử dụng các chỉ tiêu sau đây:**

- Chỉ tiêu so sánh giữa lợi nhuận (lãi ròng) với tổng tài sản có trung bình – gọi là hệ số ROA:

ROA (Return On Asset) = Lợi nhuận ròng/tài sản có bình quân.

Ý nghĩa: 1 đồng tài sản có tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này cho thấy chất lượng của công tác quản lý tài sản có, tài sản sinh lời càng lớn thì hệ số trên sẽ càng lớn.

- Chỉ tiêu so sánh giữa lợi nhuận thuần với vốn tự có bình quân của NH. Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

ROE (Return On Equity) = Lợi nhuận thuần/ Vốn tự có bình quân

Chỉ tiêu này cho thấy hiệu quả hoạt động KD của NH, khả năng sinh lời trên 1 đồng vốn của NH. Hệ số càng lớn, khả năng sinh lời tài chính càng lớn.

- Chỉ tiêu tỷ suất doanh lợi là chỉ tiêu so sánh giữa lợi nhuận ròng với số tài sản có sinh lời.

$$P' = \text{Lợi nhuận thuần} / \text{Tổng tài sản có sinh lời}$$

Trong đó tài sản có sinh lời bao gồm:

- Các khoản cho vay
- Đầu tư chứng khoán
- Tài sản có sinh lời khác

Chỉ tiêu này cho thấy hiệu suất sinh lời của tài sản có sinh lời. Tỷ suất này càng gần ROA thì hiệu suất sử dụng tài sản của NH càng lớn.

CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU TÀI CHÍNH CỦA NHTM

1/ Dự trữ sơ cấp/tổng nguồn vốn

Dự trữ sơ cấp gồm:

- Tiền mặt tại quỹ.
- Tiền gửi tại NHNN.
- Tiền gửi các tổ chức tín dụng.

Thông thường tỷ lệ này biến động trong khoảng 15% đến 20%.

2/ Dự trữ sơ cấp/tổng nguồn huy động:

Tổng nguồn huy động gồm:

- Tiền gửi của các TCTD.
- Vay NHNN và các tổ chức tín dụng khác,
- Tiền gửi của các tổ chức kinh tế và dân cư;
- Phát hành giấy tờ có giá.

Tỷ lệ này thường từ 20% đến 25%

3/ Tổng dư nợ/Tổng nguồn huy động

Tổng dư nợ gồm:

- Cho vay các tổ chức tín dụng khác
- Cho vay các TCKT và dân cư

Tỷ lệ thông thường 60% đến 80%

4/ Tổng nguồn vốn huy động trên tổng nguồn vốn.

5/ Tổng nguồn vốn huy động trên vốn chủ sở hữu (Hệ số đòn bẩy)

6/ Thu nhập lãi/tổng dư nợ

7/Chi phí lãi/Tổng huy động

SO SÁNH ROE MỘT SỐ NGÂN HÀNG VN

	2008	2007	2006	2005	2004	2003	2002
CÁC NGÂN HÀNG TM NHÀ NƯỚC							
Agribank	11.96%	10.67%	8.61%	4.81%	14.64%	9.72%	-28.51%
Vietinbank	14.63%	10.80%	13.87%	10.50%	4.21%	4.94%	-
BIDV	17.86%	20.74%	12.17%	3.65%	1.25%	0.86%	1.63%
VCB	9.12%	16.47%	25.68%	15.23%	13.71%	10.41%	4.86%
Bình quân các Ngân hàng TM NN	13.39%	14.67%	15.08%	8.55%	8.45%	6.48%	-7.34%
CÁC NGÂN HÀNG TMCP							
ACB	28.46%	28.12%	29.80%	23.32%	30.15%	23.49%	25.13%
STB	12.73%	19.02%	16.38%	12.67%	16.29%	23.49%	25.13%
EIB	5.54%	7.36%	13.28%	2.53%	0.00%	-	-
TCB	20.89%	14.28%	14.58%	20.42%	14.78%	14.57%	4.08%
Bình quân các ngân hàng TMCP	16.90%	17.20%	18.51%	14.73%	15.31%	20.52%	18.12%

SO SÁNH ROA MỘT SỐ NGÂN HÀNG VN

	2008	2007	2006	2005	2004	2003	2002
CÁC NGÂN HÀNG TM NHÀ NƯỚC							
Agribank	0.53%	0.51%	0.49%	0.23%	0.77%	0.51%	-1.46%
Vietinbank	0.93%	0.69%	0.57%	0.45%	0.23%	0.25%	-
BIDV	0.73%	0.80%	0.34%	0.10%	0.04%	0.03%	0.04%
VCB	0.55%	1.13%	1.72%	0.95%	0.91%	0.63%	0.27%
Bình quân các Ngân hàng TM NN	0.69%	0.78%	0.78%	0.43%	0.49%	0.36%	-0.38%
CÁC NGÂN HÀNG TMCP							
ACB	2.10%	2.06%	1.13%	1.23%	1.39%	1.22%	1.32%
STB	1.44%	2.16%	1.90%	1.65%	1.51%	1.22%	1.32%
EIB	1.47%	1.37%	1.41%	0.19%	0.00%	-	-
TCB	1.98%	1.29%	1.48%	1.93%	0.99%	0.55%	0.13%
Bình quân các ngân hàng TMCP	1.75%	1.72%	1.48%	1.25%	0.97%	1.00%	0.92%